

Bản án số: 43/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 02 - 12 - 2021
V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K – TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Nguyễn Văn Xô

2. Bà Đinh Thị Tín

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hiền Lương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã K tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 02/12/2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 245/2021/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2021 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2021/QĐXX-ST ngày 08 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Ngô Đức N, sinh năm 1972

Địa chỉ: Khu 2, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1970

Địa chỉ: Kinh Hạ, phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

Hiện đang chấp hành án tại: Phân trại số 1, trại giam Xuân Nguyên, thành phố Hải Phòng.

(Anh N có mặt, chị T đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24 tháng 8 năm 2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Ngô Đức N trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị T kết hôn với nhau vào ngày 21 tháng 9 năm 1991, được đăng ký kết hôn tại UBND xã A (nay là phường A) trên tinh thần tự nguyện. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là bất đồng với nhau về quan điểm sống, tính cách không phù hợp, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Năm 1998, anh và chị T đã sống ly thân, mọi quan hệ vợ chồng hoàn toàn bị cắt đứt từ đó. Nay tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mâu thuẫn giữa đôi bên không thể hàn gắn được, nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Ngô Đức N kết hôn trên tinh thần tự nguyện, được đăng ký kết hôn tại UBND xã A (nay là phường A) vào ngày 21 tháng 9 năm 1991. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hòa Tận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu Tẫn. Nguyên nhân mâu Tẫn chủ yếu theo chị là do chị và anh N đều vi phạm pháp luật, cả hai bên đều phải tù tội, nên vợ chồng không còn quan hệ gì với nhau từ năm 2002 đến nay. Nay anh N xin ly hôn, chị đang phải chấp hành án, chị không suy nghĩ được gì, nên chị chưa có quan điểm về việc ly hôn với anh N. Sau này chị ra trại, thì lúc đó chị và anh N sẽ tự giải quyết với nhau. Còn nếu anh N vẫn giữ quan điểm ly hôn thì tùy anh N, chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

Về con chung: Anh N và chị T có một con chung là cháu Ngô Chu H, sinh ngày 24/8/1992. Hiện cháu H đã trưởng thành, nên anh N và chị T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, riêng, vay nợ: Anh N và chị T đều xác định vợ chồng không có gì, đôi bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xác minh tại địa phương phường A cung cấp: Anh N và chị T kết hôn với nhau ngày 21 tháng 9 năm 1991 được đăng ký kết hôn tại UBND xã A (nay là phường A). Trong quá trình chung sống, giữa hai bên nảy sinh mâu Tẫn, nguyên nhân địa phương không nắm được. Nay anh N xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, anh N có mặt và giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Đại diện VKSND thị xã K phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng thủ tục tố tụng. Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Bị đơn không chấp hành nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho anh Ngô Đức N được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

- *Về con chung*: Có một con chung là cháu Ngô Chu H, sinh ngày 24/8/1992. Hiện cháu H đã trưởng thành, nên không đặt ra việc giải quyết.

- *Về tài sản chung, riêng, nợ chung*: Không có gì, đôi bên không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

- *Về án phí*: Anh Ngô Đức N phải nộp 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của anh Ngô Đức N đối với chị Nguyễn Thị T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương (hiện đang chấp hành án tại Phân trại số 1, trại giam Xuân Nguyên, thành phố Hải Phòng). Quá trình Tòa án đưa vụ án ra xét xử chị Nguyễn Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, TAND thị xã K áp dụng khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị T là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Ngô Đức N kết hôn với chị Nguyễn Thị T trên tinh thần tự nguyện, được đăng ký kết hôn là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét nguyên nhân gây mâu thuẫn dẫn tới việc anh N đề nghị xin ly hôn chị T, chủ yếu là do đôi bên có sự bất đồng với nhau về quan điểm sống, kể từ năm 2002 cho đến nay giữa anh N và chị T đã không còn quan hệ tình cảm, trách nhiệm đối với nhau. Xét mục đích của hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh N. Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình để xử cho anh Ngô Đức N được ly hôn chị Nguyễn Thị T là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh N và chị T có một con chung là cháu Ngô Chu H, sinh ngày 24/8/1992. Hiện cháu H đã trưởng thành, đôi bên không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

[5] Về chia tài sản: Không có gì, đôi bên không yêu cầu, nên không đặt ra việc giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức T án phí và lệ phí Tòa án thì anh N phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Ngô Đức N.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Ngô Đức N và chị Nguyễn Thị T.

2. Về con chung: Có một con chung là cháu Ngô Chu H, sinh ngày 24/8/1992. Hiện cháu H đã trưởng thành, đôi bên không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

3. Về chia tài sản, số nợ chung, riêng: Không có gì, đôi bên không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

4. Về án phí: Anh Ngô Đức N phải nộp 300.000đ tiền án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được đối trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai T tiền số: AA/2020/0001042 ngày 20/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã K. Anh N đã nộp đủ.

6. Về quyền kháng cáo: Anh Ngô Đức N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã K;
- Chi cục THADS thị xã K;
- UBND phường A, KM,H.D;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ ,VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hiền

